

Mã Hữu Bát Thái Thí Nhân Kinh Số 115

Đời Hậu Hán (25-220), Tỳ-Kheo Chi Diệu dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán

Ngày 26/05/2011 B.S. Trần Văn Nghĩa dịch từ chữ Hán ra chữ Việt.

Mã Hữu Bát Thái Thí Nhân Kinh

Đức Phật giảng Mã Hữu Bát Thái Thí Nhân Kinh (xuất xứ của Kinh này là từ một bản dịch khác của kinh Tạp A-Hàm).

Đời Hậu Hán (25 - 220), sư tam tạng Chi Diệu (1), người nước Tây Vực dịch ra Hán văn.

Tôi nghe như vậy. Có một thời, Đức Phật ở tại Nước Xá Vệ (2), trong tịnh xá Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc viên (3), với rất nhiều các Tỳ Kheo.

Đức Phật bảo các Tỳ-Kheo rằng : Ngựa có tám thói xấu. Tám thói xấu đó là : Thói xấu thứ nhất là vừa cỡi giầy cương ra là định kéo cả xe chạy. Thói xấu thứ hai là kéo xe thì nhảy lên định cắn người. Thói xấu thứ ba là chồm hai chân trước lên khi kéo xe. Thói xấu thứ tư là đá đập cái chuông xe. Thói xấu thứ năm là người phu ngựa vừa cầm vào cái vòng da đeo quanh cổ của ngựa, hay sờ mó vào xe là đã phóng chạy. Thói xấu thứ sáu là chạy xiên chạy xẹo không theo một đường thẳng. Thói xấu thứ bảy là ngưng gập chạy nhanh, thấy đường có bùn lầy không chịu chạy. Thói xấu thứ tám là giỏ cỏ đeo ở trước miệng dù đói cũng không ăn, khi người chủ muốn đưa đi kéo xe, thì lại lo ăn cỏ và không ăn được.

Đức Phật nói rằng : Con người cũng có tám thói xấu. Tám thói xấu đó là : Thói xấu thứ nhất là nghe thấy nói đến kinh kệ là lo chạy nhanh không muốn nghe, như con ngựa vừa cỡi giầy cương là lo kéo xe chạy. Thói xấu thứ hai là nghe giảng kinh không hiểu ý nghĩa, không hiểu mục đích của kinh, nên lòng sân khuê (4) nhảy xổ lên, nổi giận và không muốn nghe nữa, như lúc con ngựa kéo xe nhảy xổ lên định cắn người. Thói xấu thứ ba là khi nghe giảng kinh sinh nghịch ý không chịu tiếp thu, như ngựa chồm hai chân trước lên làm xe ngung chạy. Thói xấu thứ tư là khi nghe giảng kinh là chê bai chửi rủa, như ngựa đá cái chuông xe. Thói xấu thứ năm là khi nghe giảng kinh liền đứng dậy bỏ đi như ngựa phóng chạy khi người phu ngựa vừa cầm vào cái vòng da đeo quanh cổ của ngựa, hay sờ mó vào xe. Thói xấu thứ sáu là khi nghe giảng kinh không chịu chú tâm, quay đi quay lại để nói chuyện, như ngựa kéo xe chạy xiên chạy xẹo không theo một đường thẳng. Thói xấu thứ bảy là khi nghe giảng kinh là cố tình gây khó khăn bằng cách hỏi đến cùng, để cho người giảng không trả lời được, dùng những vọng ngữ (5) làm bế tắc câu chuyện, như ngựa thấy đường có bùn lầy không chạy vậy. Thói xấu thứ tám là khi nghe giảng kinh không chịu nghe mà ngược lại nghĩ chuyện dâm ô , không muốn nghe, không thọ trì những lời kinh . Những người này khi chết vào ác đạo, thì lại muốn học đạo, nghe kinh, lúc đó đâu còn được học đạo nghe kinh nữa, như con ngựa khi giở cỏ đeo ở trước miệng dù đói cũng không thèm ăn, khi người chủ muốn đưa đi kéo xe thì lại lo ăn nhưng không được ăn nữa. Đức Phật nói rằng : Đó là ta muốn nói về tám thói xấu của ngựa, người xấu cũng có tám thói xấu là như thế. Chư Tỳ kheo nghe giảng xong kinh hoan hỷ, đình lễ Đức Phật và ra về.

Đức Phật giảng Mã Hữ Bát Thái Thí Nhân Kinh.

1-) Chi Diệu支曜 : Hòa thượng Chi Diệu, người nước Nguyệt Chi月支, một nước nhỏ ở vùng tây bắc Trung Quốc. Vào thời Hán Linh Đế漢灵帝 (168-189), thầy đến Lạc Dương洛陽, Trung Quốc làm dịch kinh sư, nổi tiếng thông thái về kinh điển Phật giáo. Tiểu sử của thầy có ghi trong sách " Cao Tăng Truyện " cuốn một高僧傳卷一 và trong sách " Khai Nguyên Lục " cuốn một開元錄卷一. Hòa thượng có dịch nhiều kinh sách từ chữ Phạm ra Hán văn như "Phật Thuyết Thành Cục Quang Minh Định Ý Kinh "佛說成具光明定意經, " " Tiểu Đạo Địa Kinh小道地經"....và nhiều bài kinh khác.

2-) Nước Xá Vệ舍衛國 tên tiếng Phạn là Sravasti hay Savatthi, một thành phố ở phía bắc Ấn Độ, nằm trên bờ sông Rapti. Trong thời Đức Phật, thành phố này là thủ đô của vương quốc Kosala với vị vua Pasenadi, một đệ tử của Đức Phật. Đây là một trong tám thánh địa của đạo Phật. Ở đây có hai tịnh xá nổi tiếng của Đức Phật : Jetavana do Anathapindika trưởng lão xây tặng và Pubbarama do bà Visakha xây tặng. Đức Phật đã ở lại thành phố này trên 19 năm, giảng 871 bài kinh tại thành phố nay. 844 bài tại Jetavana, 23 bài tại Pubbarama, 4 bài tại ngoại thành Savatthi.

3-) Kì-Thọ Cấp-Cô-Độc viên 祇樹給孤獨園 tên tiếng Phạn là Jetavana. Ở thành Xá Vệ có người phú thương tên là Anathapindika nghĩa chữ Phạn là cung cấp, giúp đỡ cho những người nghèo khó cô độc vì vậy Hán văn đã dịch là Cấp Cô Độc trưởng lão. Tên thật của ông tên là Sudatta. Ông mời Đức Phật đến thành Xá Vệ, nguyện giúp Ngài xây một trụ sở. Ông đi tìm mua một khu vườn ở phía nam của thành Xá Vệ. Khu vườn này của hoàng tử Jetakumara. Hoàng tử đòi bán với giá tấc đất tấc vàng, chỉ bán đất không bán cây trong vườn. Anathapindika đã mua khu vườn này, xây lên một phần của tịnh xá. Hoàng tử Jetakumara quyên tặng cho Đức Phật những cây trong vườn và lấy tiền bán đất xây thêm một phần khác của tịnh xá. Sau Vua Pasedani bỏ tiền xây phần còn lại của tịnh xá. Đức Phật đã lấy hai vắn đầu của tên hoàng tử Jetakumara và hai vắn đầu của tên Anathapindika ghép lại thành Jetavana làm tên của tịnh xá. Theo truyền thuyết của đạo Phật đại thừa, thi sau khi tịnh xá hoàn tất, để nhớ ơn ba vị ân nhân này, đức Phật đã để tên ba vị trong giảng đường, tên vua Pasedani ở giữa, tên hoàng tử Jetakumara và Anathapindika ở hai bên, và sau này Ngài cũng cho để thêm tên của 16 người khác trong giảng đường, có sách nói là 18 người khác. 16 người này là những ân nhân khác và những người giúp việc trong tịnh xá, các thủ từ đã mất như người làm vườn, quét nhà..., 19 người này sau này được gọi là thần già lam 伽藍神 của

nhà Phật. Chữ già lam là chữ phiên âm của chữ Phạn asram, chữ asram là chữ viết tắt của chữ asrama, Hán văn dịch là già lam ma có nghĩa là tu viện. Thần Già Lam nghĩa là thần trông coi tu viện theo nghĩa hẹp, sau này nó được hiểu theo một nghĩa rộng hơn : Những ân nhân của nhà Phật. Vườn Jetavana : Hán văn dịch là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, còn gọi tắt là Kỳ Viên, Kỳ Thọ Viên, Cấp Cô Độc Viên trong các kinh điển khác nhau. Có một vài kinh điển còn phiên âm chữ Jeta-Anathapindika asram là kì hoàn A-nan bân chì a lam. Đức Phật đã ở lại trong vườn này 19 năm, diễn giảng hơn 844 bài kinh trong đó có cuốn kinh Kim Cương. Vườn này đã cực thịnh ở thời hoàng triều của Á Dục Vương (Ashoka). Sau khi hoàng triều Á Dục Vương sụp đổ, Đạo Ấn Độ đã tàn phá vườn này phần nào. Nhà sư Thích Pháp Hiền (Fa Hien) đến thăm vườn này vào thế kỷ thứ VI ghi lại là trong tịnh xá này vẫn còn một số sư cư ngụ. Vào thế kỷ thứ VIII, khi thầy Thích Huyền Trang (Hsuan Chwang, Đường Tam Tạng) ghé thăm thì vườn này là một hoang địa. Đến thế kỷ thứ XI khi Hồi Giáo truyền vào Trung Á (Central Asia) và bắc Ấn Độ. Tất cả những di tích của đạo Phật đã bị hoàn toàn phá hủy ở những nước Hồi Quốc, A Phú Hãn, Bắc Ấn Độ, Tân Cương, Iran...Vườn này đã thành bình địa. Đến 1863 đoàn khảo cổ của tướng Alexander Cunningham của quân đội Anh đã khai quật và tìm ra di tích của vườn Jetavana. Vườn này nay là một trọng điểm hành hương của Phật tử thế giới.

4-) Sân khuê瞋恚 : Là một trong tam độc . Tham Sân Si Tiếng Phạm là Krodha. Có nghĩa nổi giận, nổi nóng, oán hận. Đại Thừa Nghĩa chương năm bản : Phần nộ là sân (Đại Thừa Nghĩa chương năm bản viết : Phần nộ vi sân大乘義章五本曰 : 忿怒為瞋.). Tam độc三毒trivisa là : Tham貪, sân瞋, si痴.

5-) vọng ngữ妄語 : Nói điêu, nói dối để lừa bịp, vu oan, hàm hại kẻ khác. Đại Thừa Nghĩa chương 7 : Nói không đúng sự thật, gọi là vọng. nói những chuyện vọng, gọi là vọng ngữ .(Ngôn bất đương thực, cố xứng vi vọng. Vọng hữu sở đàm, cố vi vọng ngữ. 大乘義章七曰 : 言不當實, 故稱為妄. 妄有所談, 故名妄語.). Trí Độ Luận chương 14 : Kẻ nói vọng ngữ là người có lòng không thanh tịnh, muốn lừa đảo người khác, muốn che giấu sự thật, nói những chuyện khác đi, tạo ra những khẩu nghiệp, đó là vọng ngữ. (Trí Độ Luận thập tứ viết : Vọng ngữ giả, bất tịnh tâm dục cuồng tha, phúc ân thực, xuất dị ngôn, sinh khẩu nghiệp, thị danh vọng ngữ. 智度論十四曰 : " 妄語者, 不淨心欲誑他. 覆隱實, 出異語, 生口業, 是名妄語."). Vọng ngữ là một trong thập ác. Thập ác là : 1-) sát sinh殺生, 2-)Thâu đạo 偷盜 : Trộm cắp, 3-) Tà dâm邪淫 : Có những quan hệ tình dục với thể thiết của người khác. 4-) vọng ngữ妄語, 5-)Lưỡng thiệt兩舌 : Lưỡi hai đầu, nói những lời li gián. 6-) Ác khẩu惡口, ăn nói ác độc 7-) Khỉ ngữ綺語 : ăn nói ô uế, tục tằn, 8-) Tham dục貪欲, 9-) Sân khuê瞋恚, 10-) tà kiến邪見.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiền Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiền Huyền

Phiên Âm Wed Oct 1 14:56:42 2008

Taisho Tripitaka Vol. 2, No. 115 佛說馬有八態譬人經

Taisho Tripitaka Vol. 2, No. 115 Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhân Kinh

佛說馬有八態譬人經 (出雜阿含別譯)

Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhân Kinh (xuất Tạng A Hàm biệt dịch)

Đức Phật giảng mã hữu bát thái thí nhân kinh (xuất xứ của Kinh này là từ một bản dịch khác của kinh Tạng A-Hàm).

後漢西域三藏支曜譯

Hậu Hán Tây Vực Tam Tạng Chi Diệu dịch

Đời Hậu Hán, Tam Tạng Pháp Sư Chi Diệu (1), người nước Tây Vực dịch ra Hán văn.

聞如是。

Văn như thị。

Tôi nghe như vậy.

一時佛在舍衛國行在祇樹給孤獨園。多比丘僧俱。佛告諸比丘。

nhất thời Phật tại Xá-Vệ quốc hành tại Kì-Thọ Cấp-Cô-Độc viên。đa Tỳ-kheo tăng câu
。 Phật cáo chư Tỳ-kheo。

Có một thời, Đức Phật ở tại Nước Xá Vệ (2), trong tịnh xá Kì-Thọ Cấp-Cô-Độc viên (3), với rất nhiều các Tỳ Kheo. Đức Phật bảo các Tỳ-Kheo rằng :

馬有弊惡態八。何等八。一態者解羈韁時便掣車欲走。

mã hữu tệ ác thái bát。 hà đẳng bát。 nhất thái giả giải kì cương thời tiện xé xa
dục tẩu

。

Ngựa có tám thói xấu. Tám thói xấu đó là : Thói xấu thứ nhất là vừa cởi giây cương ra là định kéo cả xe chạy.

二態者駕車跳(跳-兆+梁)欲嚙人。

nhị thái giả giá xa khiêu (khiêu -triệu +lượng) dục 嚙 nhân。

Thói xấu thứ hai là kéo xe thì nhảy lên định cắn người.

三態者便舉前兩脚掣車走。四態者便躡車輪。

tam thái giả tiện cử tiền lượng (lưỡng) cước xé xa tầu 。 tứ thái giả tiện 躡xa
輪 。

Thói xấu thứ ba là chồm hai chân trước lên khi kéo xe. Thói xấu thứ tư là đá đạp cái chuông
xe.

五態者便人立持輓摩抄車却行。六態者便傍行邪走。

ngũ thái giả tiện nhân lập trì ách ma sa xa khước hạnh/hành/hàng 。 lục thái giả
tiện bàng hạnh/hành/hàng tà tầu 。

thói xấu thứ năm là người phu ngựa vừa cầm vào cái vòng da đeo quanh cổ của ngựa, hay sờ mó
vào xe là đã phóng chạy. Thói xấu thứ sáu là chạy xiên chạy xẹo không theo một đường thẳng.

七態者便掣車馳走。得濁泥抵止住不復行。

thất thái giả tiện xé xa trì tầu 。 đắc trược nê để chỉ trụ bất phục hạnh/hành/hàng 。

Thói xấu thứ bảy là ngưng gập chạy nhanh, thấy đường có bùn lầy không chịu chạy.

八態者懸(筯-++(兜-儿))餒之熟視不肯食。其主牽去欲駕之。

bát thái giả huyền (筯-++(đâu -nhân))nỗi chi thực thị bất khảng thực/tự 。 kỳ chủ
khiên khứ dục giá chi

Thói xấu thứ tám là giỏ cỏ đeo ở trước miệng dù đói cũng không ăn, khi người chủ muốn đưa
đi kéo xe

遽哈噏噬欲食不能得食。佛言。

cự ham hấp phê dục thực/tự bất năng đắc thực/tự 。 Phật ngôn 。

thì lại lo ăn cỏ và không ăn được. Đức Phật nói rằng :

人亦有弊惡態八。何等為八。一態者聞說經便走不欲聽。

nhân diệc hữu tệ ác thái bát 。 hà đẳng vi/vì/vị bát 。 nhất thái giả văn thuyết Kinh
tiện tầu bất dục thính 。

Con người cũng có tám thói xấu. Tám thói xấu đó là : Thói xấu thứ nhất là nghe thấy nói đến
kinh kệ là lo chạy nhanh không muốn nghe,

如馬解羈韁掣車走時。

như mã giải ki cương xé xa tầu thời 。

như con ngựa vừa cởi giây cương là lo kéo xe chạy.

二態者聞說經意不解不知語所趣向。便瞋跳(跳-兆+梁)不欲聞。

nhị thái giả văn thuyết Kinh ý bất giải bất tri ngữ sở thú hướng 。 tiện sân khiêu
(khiêu -triệu +lượng)bất dục văn 。

Thói xấu thứ hai là nghe giảng kinh không hiểu ý nghĩa, không hiểu mục đích của kinh, nên
lòng sân khuê (4) nhảy xổ lên, nổi giận và không muốn nghe nữa,

如馬駕車時跳(跳-兆+梁)欲嚙人時。三態者聞說經便逆不受。

như mã giá xa thời khiêu (khiêu -triệu +luong)dục 嚙 nhân thời 。 tam thái giả văn thuyết Kinh tiện nghịch bất thọ/thụ 。

như lúc con ngựa kéo xe nhảy xô lên định cắn người. Thói xấu thứ ba là khi nghe giảng kinh sinh nghịch ý không chịu tiếp thu,

如馬舉前兩脚掣車走時，四態者聞說經便

như mã cử tiền lượng (lượng) cước xé xa tẩu thời tứ thái giả văn thuyết Kinh tiện

như ngựa chồm hai chân trước lên làm xe ngưng chạy. Thói xấu thứ tư là khi nghe giảng kinh là chê bai chửi rủa,

罵。如馬踰車輪時，五態者聞說經。

mạ 。 như mã 踰 xa 輪 thời ngũ thái giả văn thuyết Kinh 。

như ngựa đá cái chuông xe. Thói xấu thứ năm là khi nghe giảng kinh

便起去如馬人。立持輓摩抄車却行時。

tiện khởi khứ như mã nhân 。 lập trì ách ma sa xa khước hạnh/hành/hàng thời 。

liền đứng dậy bỏ đi như ngựa phóng chạy khi người phu ngựa vừa cầm vào cái vòng da đeo quanh cổ của ngựa, hay sờ mó vào xe.

六態者聞說經不肯聽(卑*頁)頭邪視耳語。如馬傍行邪走時。

lục thái giả văn thuyết Kinh bất khảng thính (ti *hiệt)đầu tà thị nhĩ ngữ 。

như mã bàng hạnh/hành/hàng tà tẩu thời 。

Thói xấu thứ sáu là khi nghe giảng kinh không chịu chú tâm, quay đi quay lại để nói chuyện, như ngựa kéo xe chạy xiên chạy xẹo không theo một đường thẳng.

七態者聞說經便欲窮難。問之不能相應答。

thất thái giả văn thuyết Kinh tiện dục cùng nạn/nan 。

vấn chi bất năng tương ứng đáp 。

Thói xấu thứ bảy là khi nghe giảng kinh là cố tình gây khó khăn bằng cách hỏi đến cùng, để cho người giảng không trả lời được,

便死抵妄語。如馬得濁泥便止不復行時。

tiện tử để vọng ngữ 。

như mã đắc trược nê tiện chỉ bất phục hạnh/hành/hàng thời 。

dùng những vọng ngữ (5) làm bế tắc câu chuyện, như ngựa thấy đường có bùn lầy không chạy vậy.

八態者聞說經不肯聽。反念姪洑多求不欲聽受。

bát thái giả văn thuyết Kinh bất khảng thính 。

phản niệm dâm dật đa cầu bất dục thính thọ 。

Thói xấu thứ tám là khi nghe giảng kinh không chịu nghe mà ngược lại nghĩ chuyện dâm ô, không muốn nghe, không thọ trì những lời kinh .

死入惡道時。乃遽欲學問行道。

tử nhập ác đạo thời 。 nãi cự dục học vấn hành đạo 。

Những người này khi chết vào ác đạo, thì lại muốn học đạo. nghe kinh,

亦不能復得行道。如馬懸(笏-一+(兜-儿))餒之熟視不肯食。

diệc bất năng phục đắc hành đạo 。 như mã huyền (笏-一+(đâu -nhân))ủy chi thực thị bất khảng thực/tự 。

lúc đó đầu còn được học đạo, nghe kinh nữa, như con ngựa khi giò cỏ đeo ở trước miệng dù đói cũng không thèm ăn,

其主牽去欲駕之。乃遽哈喻噬亦不得食。佛言。

kỳ chủ khiên khứ dục giá chi 。 nãi cự ham hấp phệ diệc bất đắc thực/tự 。

Phật ngôn 。

khi người chủ muốn đưa đi kéo xe thì lại lo ăn nhưng không được ăn nữa. Đức Phật nói rằng :

我說馬八態。惡人亦有八惡態如是。

ngã thuyết mã bát thái 。

ác nhân diệc hữu bát ác thái như thị 。

Đó là ta muốn nói về tám thói xấu của ngựa, người xấu cũng có tám thói xấu là như thế.

諸比丘聞經歡喜。作禮而去。

chư Tỷ-kheo văn Kinh hoan hỷ 。

Chư Tỷ kheo nghe giảng xong kinh hoan hỷ, đảnh lễ Đức Phật và ra về.

佛說馬有八態譬人經

Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhân Kinh

Đức Phật giảng mã hữu bát thái thí nhân kinh.

B. S. Trần Văn Nghĩa dịch Việt văn.

Ngày 26/05/2011.

Blairsville, PA USA.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền

Phiên Âm Wed Oct 1 14:56:45 2008
